

SÁO Y BẢN CHÍNH
Ngày 26 Tháng 7 Năm 2017

GIÁM ĐỐC HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ



Nguyễn Danh Tùng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 62
8. Phụ lục	63 - 64

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV là Công ty TNHH MTV vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145020 ngày 03 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

- Thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 01 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 2.143.000.000.000 VND lên 5.500.000.000.000 VND;
- Thay đổi lần thứ 02 ngày 06 tháng 8 năm 2013 về việc tăng vốn điều lệ từ 5.500.000.000.000 VND lên 8.500.000.000.000 VND.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84 -65) 3 822 655
- Fax : (84 -65) 3 822 713

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Mỹ Phước	Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Bàu Bàng - Thới Hòa	Khu Công nghiệp Bàu Bàng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV	Phòng 1908-09 tầng 19, cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Ban quản lý phát triển Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương	Đường Huỳnh Văn Lũy, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khảo sát, đo đạc và vẽ bản đồ địa chính;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; dịch vụ nhà ở công nhân;
- Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT (Xây dựng – kinh doanh – chuyển giao);
- Thi công các công trình điện công nghiệp và điện dân dụng;
- Thiết kế, thăm tra, giám sát và thi công các công trình điện năng từ 35 KV trở xuống (Đường dây tải điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp);
- Quản lý dự án và giám sát thi công công trình;
- Sản xuất, chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, hàng nông, lâm, thủy hải sản, hàng tiêu dùng;
- Sản xuất, gia công, mua bán các sản phẩm dệt và may mặc;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán hàng điện tử, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng;
- Sản xuất, mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng;
- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, dụng cụ y tế và mỹ phẩm;
- Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa và khai thuê hải quan;
- Thực hiện các dịch vụ tiếp thị, nghiên cứu thị trường và tư vấn đầu tư;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế, giáo dục.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Dành	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 10 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2017
Ông Nguyễn Phú Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2010

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2010
Ông Bùi Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ông Phạm Ngọc Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Dành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 10 năm 2014
	Kiểm Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Hùng – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2010).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

00449,
ÔNG
NHIỆM
TOÁN VI
A &
H.T.P.T

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2017





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0530/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2017, từ trang 07 đến trang 64, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.2b trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, do Tổng Công ty đang trong giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi thành công ty cổ phần, nên Tổng Công ty không xem xét trích lập dự phòng thêm cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

Phạm Mỹ Tuyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3596-2016-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2017

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.821.771.618.408	27.973.581.771.207
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.215.143.647.741	2.033.794.385.786
1. Tiền	111		260.033.102.796	440.975.395.554
2. Các khoản tương đương tiền	112		955.110.544.945	1.592.818.990.232
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.622.560.000.000	44.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	1.622.560.000.000	44.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.928.704.726.198	10.478.589.625.951
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	7.027.863.485.653	6.361.476.674.254
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	580.181.019.764	378.594.469.665
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	25.500.000.000	25.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	4.294.401.044.133	3.713.018.482.032
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		759.176.648	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	17.861.191.550.043	15.263.603.881.916
1. Hàng tồn kho	141		17.861.191.550.043	15.263.603.881.916
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		194.171.694.426	153.593.877.554
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	15.695.071.723	16.376.764.866
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.579.283.266	36.270.158.383
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	173.897.339.437	100.946.954.305
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.605.842.051.867	10.029.548.094.795
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.735.603.361.685	1.066.397.466.926
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	1.735.603.361.685	1.066.397.466.926
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		240.708.356.126	261.241.003.947
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	212.213.259.403	231.699.776.981
- Nguyên giá	222		552.724.145.414	550.339.546.279
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(340.510.886.011)	(318.639.769.298)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	28.495.096.723	29.541.226.966
- Nguyên giá	228		36.245.992.670	36.245.992.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.750.895.947)	(6.704.765.704)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	370.598.651.248	303.153.411.139
- Nguyên giá	231		387.683.768.296	310.776.591.986
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17.085.117.048)	(7.623.180.847)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.961.078.052	290.304.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	7.961.078.052	290.304.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.242.326.790.686	8.378.633.939.802
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	4.142.304.106.000	4.286.611.255.116
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	4.171.234.003.547	4.163.234.003.547
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	52.763.530.000	52.763.530.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(123.974.848.861)	(123.974.848.861)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.643.814.070	19.831.968.981
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.643.814.070	19.831.968.981
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		43.427.613.670.275	38.003.129.866.002

15/1
Y
UH
UV
19/1

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		33.898.155.528.478	29.867.781.964.232
I. Nợ ngắn hạn	310		22.879.750.953.286	19.725.242.122.843
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	2.074.704.327.357	850.968.918.776
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.285.449.676.669	957.897.182.604
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	728.124.418.747	398.043.217.799
4. Phải trả người lao động	314	V.16	27.940.024.375	33.184.106.030
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	12.825.126.556.286	12.119.890.163.681
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	47.246.661.769	49.151.686.603
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	700.233.685.098	706.456.086.039
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	5.166.858.717.563	4.591.997.160.924
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	24.066.885.422	17.653.600.387
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11.018.404.575.192	10.142.539.841.389
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	19.979.477.000	27.512.122.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	3.327.816.000	2.455.340.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	10.995.097.282.192	10.095.912.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.22	-	16.660.379.389

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.529.458.141.797	8.135.347.901.770
I. Vốn chủ sở hữu	410		9.529.458.141.797	8.135.347.901.770
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	7.951.756.326.147	8.096.176.859.626
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	335.629.749.019	34.219.230.092
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.23	1.242.072.066.631	4.951.812.052
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		43.427.613.670.275	38.003.129.866.002



TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2017

[Signature]
Phan Thị Mỹ Kim
 Người lập

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh Nhân
 Kế toán trưởng

[Signature]
Nguyễn Văn Hùng
 Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.305.623.883.706	6.080.313.451.053
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	94.961.461.326	11.370.905.913
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.210.662.422.380	6.068.942.545.140
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.081.897.948.787	5.244.604.827.919
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.128.764.473.593	824.337.717.221
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	977.777.466.387	830.281.999.396
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	493.612.473.531	353.410.498.856
Trong đó: chi phí lãi vay	23		486.586.147.149	323.315.320.276
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	451.369.896.390	376.038.593.243
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	156.308.380.005	149.373.249.465
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.005.251.190.054	775.797.375.053
11. Thu nhập khác	31	VI.8	35.158.079.308	9.794.243.834
12. Chi phí khác	32	VI.9	6.339.841.320	8.143.552.003
13. Lợi nhuận khác	40		28.818.237.988	1.650.691.831
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.034.069.428.042	777.448.066.884
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	41.070.740.766	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		992.998.687.276	777.448.066.884

TP. Thủ Dầu Một, ngày 11 tháng 3 năm 2017

Phan Thị Mỹ Kim
Người lậpNguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.034.069.428.042	777.448.066.884
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	54.720.878.396	54.241.636.650
- Các khoản dự phòng	03		-	25.681.564.918
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	1.044.666.437	(1.388.276.549)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(983.641.479.642)	(824.700.461.312)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	486.586.147.149	323.315.320.276
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.22	(16.570.737.425)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		576.208.902.957	354.597.850.867
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.484.187.578.141)	(4.636.695.671.748)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.662.449.170.847)	181.182.375.708
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.798.007.154.264	3.377.865.027.388
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11.869.848.054	(6.579.183.444)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5, V.17, VII	(1.366.990.011.697)	(1.388.985.823.666)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(114.021.125.898)	(70.917.619.732)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.21, V.23	1.239.958.873.998	5.085.086.778
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21, V.22, V.23	(26.436.376.107)	(134.938.716.236)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.028.039.483.417)	(2.319.386.674.085)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.12, VII	(59.606.902.327)	(36.396.468.670)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8	21.131.852.742	968.436.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(1.578.560.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.142.723.867)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	52.541.090.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4, V.6	374.583.272.458	400.809.936.145
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.250.594.500.994)	417.922.993.839

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương


BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(188.297.448.865)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	7.973.609.306.620	7.255.553.595.529
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(6.512.581.393.817)	(5.682.455.767.147)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>1.461.027.912.803</i>	<i>1.384.800.379.517</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(817.606.071.608)	(516.663.300.729)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.033.794.385.786	2.549.069.409.966
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.044.666.437)	1.388.276.549
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.215.143.647.741	2.033.794.385.786

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2017


Phan Thị Mỹ Kim
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là Công ty TNHH MTV vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Dịch vụ cho thuê, quản lý và xử lý nước thải Khu Công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Sản xuất và chế biến mủ cao su.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông. Xây dựng dân dụng & công nghiệp, kinh doanh bất động sản	78,80%	78,80%	78,80%
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	C1-2-3 đường DT6, Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất bê tông trộn sẵn. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp, khu dân cư và đô thị. Kinh doanh bất động sản.	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Lô I, Đồng Khởi, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh và đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị. Thi công các công trình công nghiệp và dân dụng. Sản xuất vật liệu xây dựng.	60,70%	60,70%	60,70%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Xây dựng dân dụng và công nghiệp. San lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, Khu Công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.	51,82%	51,82%	51,82%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Đường TC3, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Khám chữa bệnh	65,47%	65,47%	65,47%
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	Đường N7, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Sản xuất, kinh doanh bê tông. Thi công, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp	73,37%	73,37%	73,37%
Công ty Cổ phần Dược Becamex	Đường NA6, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Dược phẩm	51%	51%	51%
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Khu đô thị mới thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ và Đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Giáo dục	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đầu tư, kinh doanh cấp và thoát nước	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Đường ĐT750, xã Cây Trầu, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	Nuôi trồng, kinh doanh cao su, mủ cao su	72,22%	72,22%	72,22%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	Số 8, đại lộ Hữu Nghị, VSIP, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh Khu Công nghiệp	49%	49%	49%
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	Phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh bất động sản	40%	40%	40%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất	Số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu Đô thị Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh chứng khoán	37,15%	37,15%	37,15%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, đầu tư vốn	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Lô Z.01-02-03A Khu Chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm	35,19%	35,19%	35,19%
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	21 VSIP II, đường số 1 Khu Công nghiệp VSIP II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh viễn thông, công nghệ thông tin	48,59%	48,59%	48,59%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Khu đô thị mới thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ và Đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh khu đô thị	35%	35%	35%
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Lô M2 Lý Thái I ở, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh giáo dục	50%	50%	50%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Mỹ Phước	Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Bàu Bàng - Thới Hòa	Khu Công nghiệp Bàu Bàng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV	Phòng 1908-09 tầng 19, cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Ban quản lý phát triển Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương	Đường Huỳnh Văn Lũy, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty có 2.302 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.064 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết Công ty con

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng hóa bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là chi phí vận hành Grand Square, chi phí đồng phục nhân viên và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí vận hành Grand Square

Chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Chi phí đồng phục nhân viên

Chi phí đồng phục nhân viên đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	10

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

Tài sản vô hình khác

Tài sản vô hình khác bao gồm chi phí thiết kế trang web, các giấy chứng nhận ISO. Các chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 10 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng thuộc sở hữu của Tổng Công ty nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của nhà văn phòng là 50 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tổng Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng thành viên phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tổng Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.617.097.715	1.572.244.178
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	256.416.005.081	439.403.151.376
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾	955.110.544.945	1.592.818.990.232
Cộng	1.215.143.647.741	2.033.794.385.786

(i) Trong đó, khoản tiền gửi 33.000.187.513 VND và 367.394,25 USD tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương được cầm cố để đảm bảo các khoản vay tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.20).

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng. Trong đó, tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay và trái phiếu phát hành tại ngân hàng này với số tiền là 390.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20).

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng TMCP Đại Chúng - Chi nhánh Bình Dương. Trong đó, tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với số tiền là 1.200.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	4.142.304.106.000	(9.309.259.040)	4.286.611.255.116	(9.309.259.040)
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ⁽ⁱ⁾	2.171.080.286.000	-	2.171.080.286.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị ⁽ⁱⁱ⁾	84.150.000.000	-	84.150.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	607.005.000.000	-	607.005.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương ^(iv)	155.472.580.000	-	155.472.580.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước ^(v)	148.934.000.000	(9.309.259.040)	148.934.000.000	(9.309.259.040)
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex ^(vi)	73.367.040.000	-	73.367.040.000	-
Công ty Cổ phần Dược Becamex ^(vii)	22.195.200.000	-	22.195.200.000	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông ^(viii)	30.600.000.000	-	30.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương ^(ix)	765.000.000.000	-	896.307.149.116	-
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương ^(x)	84.500.000.000	-	97.500.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4.171.234.003.547	(114.665.589.821)	4.163.234.003.547	(114.665.589.821)
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore ^(xi)	461.013.591.047	-	461.013.591.047	-
Công ty Cổ phần Setia – Becamex ^(xii)	264.000.000.000	(85.829.412.822)	264.000.000.000	(85.829.412.822)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ^(xiii)	111.445.780.000	-	111.445.780.000	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương ^(xiv)	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi ^(xv)	56.158.252.500	(430.404.697)	56.158.252.500	(430.404.697)
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam ^(xvi)	117.116.380.000	(28.405.772.302)	109.116.380.000	(28.405.772.302)
Công ty TNHH Becamex Tokyu ^(xvii)	3.010.000.000.000	-	3.010.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông ^(xviii)	91.500.000.000	-	91.500.000.000	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>				
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore ^(xix)	52.763.530.000	-	52.763.530.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển và Công nghệ Becamex ^(xx)	52.025.280.000	-	52.025.280.000	-
	738.250.000	-	738.250.000	-
Cộng	8.366.301.639.547	(123.974.848.861)	8.502.608.788.663	(123.974.848.861)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700805566 thay đổi lần thứ 9 ngày 29 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật 216.066.006 cổ phiếu, tương đương 78,80% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700785535 thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 7 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị 84.150.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700413826 thay đổi lần thứ 19 ngày 03 tháng 02 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương 607.005.000.000 VND, tương đương 60,70% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700408992 thay đổi lần thứ 11 ngày 03 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương 155.472.580.000 VND, tương đương 51,82% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700696042 thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước 148.934.000.000 VND, tương đương 65,47% vốn điều lệ (trong đó bao gồm số Tổng Công ty tạm thời góp vốn thay cho các bác sỹ và nhân viên của Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước là 10.417.000.000 VND và sẽ chuyển giao lại cho các bác sỹ và nhân viên Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước theo quy định tại điều lệ Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước).
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 6 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông Becamex 73.367.040.000 VND, tương đương 73,37% vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700683163 thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Becamex 2.060.400 cổ phiếu, tương đương 51% vốn điều lệ.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 thay đổi lần thứ 1 ngày 13 tháng 9 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Trường Đại học Quốc tế Miền Đông 30.600.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (ix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 thay đổi lần thứ 12 ngày 30 tháng 9 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương (được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương) 765.000.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.
- (x) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700248731 thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương 84.500.000.000 VND, tương đương 72,22% vốn điều lệ. Trong năm Tổng Công ty điều chỉnh giảm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương 13.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đã đầu tư 84.500.000.000 VND, tương đương 72,22% vốn điều lệ (số đầu năm là 97.500.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ).
- (xi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 463023000267 thay đổi lần thứ 8 ngày 22 tháng 7 năm 2008 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore 461.013.591.047 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (xii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461032000230 thay đổi lần thứ 4 ngày 05 tháng 01 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Setia – Becamex 264.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.
- (xiii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700334885 thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất 111.445.780.000 VND, tương đương 37,15% vốn điều lệ.
- (xiv) Theo Giấy phép điều chỉnh số 50GP/KDBH thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương 60.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.
- (xv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303923529 thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi 5.629.900 cổ phiếu, tương đương 35,19% vốn điều lệ.
- (xvi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700861497 thay đổi lần thứ 4 ngày 15 tháng 4 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam 117.116.380.000 VND, tương đương 48,59% vốn điều lệ. Trong năm, Tổng Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam 8.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đã đầu tư 117.116.380.000 VND, tương đương 48,59% vốn điều lệ (số đầu năm là 109.116.380.000 VND, tương đương 44,50% vốn điều lệ).
- (xvii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461022000756 thay đổi lần thứ 4 ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Becamex Tokyu 3.010.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ.
- (xviii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701972175 ngày 24 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông 91.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (xix) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011032000080 thay đổi gần nhất ngày 20 tháng 01 năm 2016 do Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore 52.025.280.000 VND, tương đương 8% vốn điều lệ.
- (xx) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702081936 ngày 08 tháng 8 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển và Công nghệ Becamex 738.250.000 VND, tương đương 12% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển và Công nghệ Becamex là 1.661.750.000 VND.

Giá trị hợp lý

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong năm do Tổng Công ty đang trong giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi thành công ty cổ phần, nên Tổng Công ty không xem xét trích lập dự phòng thêm cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Sang nhượng quyền sử dụng đất	1.589.546.750.692	659.502.264.455
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.268.158.629.418	-
Chi phí dịch vụ quản lý	1.782.117.622	-
Cung cấp điện	160.341.873	57.457.253
Cổ tức được chia	86.426.402.400	129.639.603.600
Lãi chậm trả cổ tức	38.565.040.278	13.067.131.885
Thi công trang trí nội thất	118.928.349.025	116.902.237.707
Thu tiền và nhận các chi phí tham gia dự án hợp tác kinh doanh	-	10.284.399.459
Chi phí các dịch vụ khác	743.910.365	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị		
Cung cấp điện	114.981.708	141.434.836
Cổ tức được chia	5.890.500.000	4.207.500.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Sang nhượng quyền sử dụng đất	7.706.393.865	1.178.484.396.132
Tiền điện, cho thuê mặt bằng	828.054.544	753.029.091
Lãi chậm trả cổ tức	13.626.490.250	6.839.305.805
Cổ tức được chia	60.700.500.000	72.840.600.000

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Nhận cung cấp thi công công trình	228.958.552.930	361.843.847.579
Mua vật tư cho các công trình	32.227.749.412	44.696.938.070
Mua hàng hóa, công cụ dụng cụ	-	5.769.329.601
Nhận cung cấp dịch vụ môi giới	764.000.000	2.640.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Phí quản lý, tiền điện, xử lý nước thải	288.738.280	255.760.060
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	45.718.286.124	509.779.308.110
Cổ tức được chia	12.437.806.400	21.766.161.200
Nhận cung cấp thi công công trình	-	194.154.643.107
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Cung cấp điện	424.387.983	317.799.215
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex		
Phí quản lý	474.446.860	253.344.710
Cung cấp dịch vụ vận chuyển bê tông	3.010.928	769.373.230
Tiền thuê đất	-	213.299.901
Cổ tức được chia	11.005.056.000	20.542.771.200
Mua nguyên vật liệu	57.512.142.800	52.546.073.310
Nhận cung cấp thi công công trình	43.461.866.576	54.646.142.278
Nhận cung cấp dịch vụ thuê xe	471.824.234	246.477.198
Công ty Cổ phần Dược Becamex		
Sang nhượng quyền sử dụng đất	-	13.483.824.667
Phí xử lý nước thải, tiền điện, nước, rác	441.607.730	66.460.435
Cổ tức được chia	1.854.360.000	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Chi hệ chi phí hoạt động – Trung tâm đào tạo		
Nhật ngữ và Toán học	2.539.674.126	2.654.417.017
Chi hệ tiền lương	38.742.075.037	33.354.309.757
Chi hệ chi phí hoạt động	2.613.591.699	11.038.777.655
Học phí phải trả	-	138.041.400
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương		
Cổ tức được chia	185.437.685.980	169.343.091.145
Thuê dịch vụ	-	50.497.273
Mua nước	4.049.670.076	3.435.476.537
Thi công công trình	3.565.288.945	-
Mua nguyên vật liệu	-	6.737.500
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương		
Cung cấp mùn cao su	740.954.692	10.828.150.110
Ghi nhận bổ sung vốn góp do cổ phần hóa	-	47.775.628.631

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore		
Doanh thu các công trình xây dựng	109.495.672.388	137.882.358.406
Thu tiền lãi phạt	426.916.031	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng	240.000.000	-
Thu do giảm vốn góp	29.339.504	2.747.175.144
Cổ tức được chia	423.484.877.970	293.724.832.660
Góp vốn		-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất		
Cổ tức được chia	5.572.289.000	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương		
Cho thuê văn phòng, tiền điện	-	4.314.047
Cổ tức được chia	2.760.000.000	-
Nhận cung cấp dịch vụ bảo hiểm	5.113.551.003	8.168.658.295
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi		
Mua cổ phần	-	5.489.152.500
Cổ tức được chia	6.586.983.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam		
Cung cấp điện	18.528.444	28.214.311
Bán xe, công cụ, dụng cụ	2.358.257.206	-
Mua thiết bị cho các công trình	29.456.035.832	61.462.586.980
Tiền thuê đất và phí quản lý	882.288.297	-
Nhận cung cấp dịch vụ cước	5.348.799.323	352.459.336
Mua tài sản cố định	185.738.538	4.552.927.383
Mua hàng hóa, công cụ dụng cụ	1.065.886.434	2.344.424.871
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Cho thuê văn phòng, tiền điện	-	3.380.396
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng vay	360.466.054	521.184.154
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông		
Cổ tức được chia	13.650.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng		
3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	3.292.680.272.313	2.498.606.961.075
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	1.631.452.531.460	1.252.274.528.535
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	6.136.560	36.252.360
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	1.013.180.099.757	922.837.034.557

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	480.658.415.906	150.960.613.178
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	146.908.476	935.418.684
Công ty Cổ phần Dược Becamex	75.401.587.731	82.151.974.443
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	740.501.995	436.789.380
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	71.498.822.085	65.244.950.401
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	11.471.166.757	11.471.166.757
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	3.570.962.606	17.333.973
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	-	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	-	4.312.556.832
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	2.090.090.640	5.280.000.000
Công ty TNHH MTV Cửa sổ mùa xuân	-	2.430.185.006
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt	2.429.040.878	32.267.160
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	34.007.462	81.866.064
Công ty Cổ phần Phát triển và Công nghệ Becamex	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex	-	104.023.745
Phải thu các khách hàng khác	3.735.183.213.340	3.862.869.713.179
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	3.139.420.856.152	3.312.810.856.152
Các khách hàng khác	595.762.357.188	550.058.857.027
Cộng	7.027.863.485.653	6.361.476.674.254

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	1.729.828.221.684	1.016.397.486.301
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	4.065.691.770	283.578.078.402
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	1.270.092.505.000	49.929.600.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	453.607.000.000	680.410.500.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	2.063.024.914	2.479.307.899
Phải thu các khách hàng khác	5.775.140.001	49.999.980.625
Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ Đầu tư	5.775.140.001	8.683.853.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Lộc Phát	-	31.397.973.750
Các khách hàng khác	-	9.918.153.125
Cộng	1.735.603.361.685	1.066.397.466.926

Các khoản phải thu dài hạn của khách hàng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>457.436.957.377</i>	<i>241.493.302.417</i>
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	457.340.764.134	241.396.160.505
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	96.193.243	97.141.912
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>122.744.062.387</i>	<i>136.477.710.558</i>
Cộng	580.181.019.764	378.594.469.665

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho Công ty TNHH Tùng Trần vay với lãi suất 5%/năm	5.500.000.000	5.500.000.000
Cho Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ Đầu tư vay với lãi suất 5%/năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	25.500.000.000	25.500.000.000

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.006.491.253.780</i>	-	<i>3.476.996.150.379</i>	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.671.506.628.804	-	3.235.207.701.649	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	569.410.424.702	-	515.479.993.400	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	12.437.806.400	-	10.883.080.600	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	281.712.650.000	-	221.012.150.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	4.207.500.000	-	4.207.500.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	14.005.056.000	-	18.341.760.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	2.598.544.745.722	-	2.281.700.353.104	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất	-	-	3.343.373.400	-
Công ty Cổ phần Dược Becamex	1.854.360.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	3.896.400.000	-	10.896.400.000	-
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	185.437.685.980	-	169.343.091.145	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Lãi chậm trả cổ tức	37.670.341.105	-	24.043.850.855	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật - Lãi chậm trả cổ tức	81.966.986.119	-	43.401.945.841	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	-	-	2.747.175.144	-
- Thu do giảm vốn góp	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Phải thu chi hộ lương cho nhân viên	122.725.888.476	-	83.983.813.439	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Phải thu chi hộ chi phí hoạt động	86.808.278.133	-	84.194.686.434	-
Trung tâm đào tạo Nhật ngữ và Toán học – Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Phải thu chi hộ chi phí hoạt động	5.813.131.143	-	3.273.457.017	-
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương - Phải trả tiền thù lao kiểm soát viên	-	-	143.520.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	287.909.790.353	-	236.022.331.653	-
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	30.980.281.665	-	6.288.426.880	-
Phải thu thanh lý khoản đầu tư	86.600.020.000	-	92.600.020.000	-
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp theo số tiền khách hàng ứng trước để sang nhượng và thuê đất	97.834.162.163	-	68.436.324.396	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp theo số tiền khách hàng ứng trước để sang nhượng và thuê đất	12.621.745.681	-	9.418.188.669	-
Thuế thu nhập cá nhân đội xe	-	-	-	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.216.405.400	-	485.414.342	-
Tạm ứng chi phí công tác	22.268.067.129	-	20.084.847.473	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	105.000.000	-	105.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	34.284.108.315	-	38.604.109.893	-
Cộng	4.294.401.044.133	-	3.713.018.482.032	-

Quyền thu cổ tức hàng năm của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được dùng để đảm bảo cho các khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Dương với số tiền tối đa là 873.574.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20).

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	43.063.621.143	-	44.362.637.858	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	16.307.231.605.804	-	14.984.290.450.899	-
Thành phẩm	86.019.230	-	86.019.230	-
Hàng hóa	1.510.810.303.866	-	234.864.773.929	-
Cộng	17.861.191.550.043	-	15.263.603.881.916	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Tổng Công ty là chi phí xây dựng dở dang của các dự án bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, các chi phí phải trả để có được quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan đến dự án. Một số tài sản đầu tư xây dựng dở dang đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của các ngân hàng và trái phiếu phát hành (xem thuyết minh số V.20).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.152.941.441	2.442.961.744
Chi phí thuê nhà, văn phòng	852.516.666	619.183.332
Chi phí quảng cáo	-	374.270.000
Chi phí sửa chữa, cải tạo	-	3.627.562.856
Chi phí môi giới	2.372.000.000	2.640.000.000
Chi phí phần mềm	3.888.604.866	2.088.128.600
Chi phí đồng phục nhân viên	3.957.000.000	-
Chi phí tư vấn	2.015.750.000	4.007.333.334
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.456.258.750	577.325.000
Cộng	15.695.071.723	16.376.764.866

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	183.297.777	46.001.633
Chi phí sửa chữa, cải tạo	-	2.629.809.235
Chi phí quảng cáo	424.242.424	848.484.849
Chi phí vận hành Grand Square	7.544.531.387	15.774.929.263
Các chi phí trả trước dài hạn khác	491.742.482	532.744.001
Cộng	8.643.814.070	19.831.968.981

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Vườn cây lâu năm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	217.230.297.137	34.331.332.223	239.220.521.216	31.275.457.974	28.281.937.729	550.339.546.279
Mua trong năm	-	279.021.273	6.436.090.908	921.689.149	-	7.636.801.330
Đầu tư XDDB hoàn thành	-	-	32.392.052.556	-	-	32.392.052.556
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.919.636.340)	(4.297.738.355)	(144.942.327)	(28.281.937.729)	(37.644.254.751)
Số cuối năm	217.230.297.137	29.690.717.156	273.750.926.325	32.052.204.796	-	552.724.145.414
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	21.250.914.613	8.637.555.320	190.143.009.068	22.408.563.700	-	242.440.042.701
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	61.730.540.376	21.391.293.421	199.813.446.283	23.433.555.571	12.270.933.647	318.639.769.298
Khấu hao trong năm	17.935.614.242	3.995.823.468	18.275.721.822	3.297.207.850	707.048.445	44.211.415.827
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.919.636.340)	(4.297.738.355)	(144.942.327)	(12.977.982.092)	(22.340.299.114)
Số cuối năm	79.666.154.618	20.467.480.549	213.791.429.750	26.585.821.094	-	340.510.886.011

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	155.499.756.761	12.940.038.802	39.407.074.933	7.841.902.403	16.011.004.082	231.699.776.981
Số cuối năm	137.564.142.519	9.223.236.607	59.959.496.575	5.466.383.702	-	212.213.259.403
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	30.078.157.651	5.752.470.889	415.364.130	36.245.992.670
Số cuối năm	30.078.157.651	5.752.470.889	415.364.130	36.245.992.670
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	5.752.470.889	415.364.130	6.167.835.019
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	791.530.464	5.497.871.110	415.364.130	6.704.765.704
Khấu hao trong năm	791.530.464	254.599.779	-	1.046.130.243
Số cuối năm	1.583.060.928	5.752.470.889	415.364.130	7.750.895.947
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	29.286.627.187	254.599.779	-	29.541.226.966
Số cuối năm	28.495.096.723	-	-	28.495.096.723
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

11. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	310.776.591.986	7.623.180.847	303.153.411.139
Kết chuyển từ hàng tồn kho	77.091.464.600		
Thanh lý, nhượng bán	(184.288.290)	(1.396.125)	
Khấu hao trong năm		9.463.332.326	
Số cuối năm	387.683.768.296	17.085.117.048	370.598.651.248

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tầng 15, 16, 17 tòa nhà			
Becamex Tower	68.252.903.673	3.448.029.609	64.804.874.064
Khách sạn Becamex	184.338.675.220	9.216.933.764	175.121.741.456
Nhà ở xã hội Mỹ Phước 1	128.876.474.090	3.643.189.261	125.233.284.829
Tài sản của bất động sản đầu tư	6.215.715.313	776.964.414	5.438.750.899
Cộng	387.683.768.296	17.085.117.048	370.598.651.248

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Mua sắm tài sản cố định

Số đầu năm

290.304.000

Chi phí phát sinh trong năm

40.064.941.608

Kết chuyển vào TSCĐ trong năm

(32.392.052.556)

Kết chuyển vào chi phí trong năm

(2.115.000)

Số cuối năm

7.961.078.052**13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn****13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.943.232.501.307</i>	<i>604.688.685.322</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	1.500.055.834.877	62.121.612.708
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	342.225.812.183	365.286.137.751
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	17.334.297.385	14.176.674.638
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	398.915.840	236.924.500
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	-	49.324.704
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	40.708.939.273	51.776.489.365
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	5.241.719.300	6.176.177.440
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	2.928.439.661	3.209.400.479
Công ty TNHH MTV Cửa sổ mùa xuân	-	23.520.035.343
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt	12.375.063.528	397.965.592
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex	122.602.700	577.463.700
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	-	58.782.933.001
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex	21.840.876.560	14.708.726.485
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	-	3.668.819.616
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>131.471.826.050</i>	<i>246.280.233.454</i>
Cộng	2.074.704.327.357	850.968.918.776

13b. Phải trả người bán dài hạn

Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật – Bên liên quan.

13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>2.988.821.370</i>	<i>3.059.977.244</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	257.845.500	257.845.500
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	2.730.975.870	2.802.131.744
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1.282.460.855.299</i>	<i>954.837.205.360</i>
Các hộ Khu dân cư Thới Hòa ứng trước tiền mua đất	32.140.459.999	89.381.739.999
Kolon Industries, Inc	140.744.032.712	-
Các khách hàng khác	1.109.576.362.588	865.455.465.361
Cộng	1.285.449.676.669	957.897.182.604

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	36.315.308.708	-	147.859.023.656	(137.095.625.243)	47.078.707.121	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	99.008.669.804	41.070.740.766	(114.021.125.898)	-	171.959.054.936
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	-	3.203.557.012	-	3.203.557.012	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.847.751.418	-	25.674.329.138	(28.634.944.354)	3.887.136.202	-
Thuế tài nguyên	275.968.200	-	58.718.200	(328.161.000)	6.525.400	-
Thuế sử dụng đất	-	1.938.284.501	11.293.071.995	(11.293.071.995)	-	1.938.284.501
Các loại thuế khác	2.020.500.000	-	734.636.102	(2.755.136.102)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	352.583.689.473	-	674.147.501.512	(352.782.697.973)	673.948.493.012	-
Cộng	398.043.217.799	100.946.954.305	904.041.578.381	(646.910.762.565)	728.124.418.747	173.897.339.437

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xử lý nước thải, bán mùn cao su thô, đền bù, giải phóng mặt bằng	Không chịu thuế
- Dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp trong Khu Chế xuất	0%
- Dịch vụ cung cấp nước sạch sinh hoạt	5%
- Các hoạt động khác	10%

Riêng thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với bán, cho thuê nhà ở xã hội là 5% kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tổng Công ty được giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đối với bán, cho thuê nhà ở thương mại có diện tích sàn dưới 70 m² và có giá bán dưới 15 triệu VND/m².

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ bán, cho thuê nhà ở xã hội nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% cho thu nhập phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Thu nhập từ hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ không sử dụng theo thuế suất trong thời gian trích lập quỹ là 25%

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.034.069.428.042	777.448.066.884
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	24.698.372.656	2.747.871.215
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.388.276.549)
Thu nhập chịu thuế	1.058.767.800.698	778.807.661.550
Thu nhập được miễn thuế	(816.581.401.605)	(717.093.050.985)
Lỗi các năm trước được chuyển	(40.975.379.621)	(61.714.610.565)
Thu nhập tính thuế	201.211.019.472	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	40.242.203.894	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông đối với thu nhập từ hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	828.536.872	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong năm	(3.790.710.004)	(4.356.267.657)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	37.280.030.762	(4.356.267.657)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Tổng Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bán giao bất động sản.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả công nhân viên	20.911.039.292	27.358.800.364
Phải trả người lao động khác	7.028.985.083	5.825.305.666
Cộng	27.940.024.375	33.184.106.030

Quỹ lương năm 2016 của Tổng Công ty được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Chi phí lương của Tổng Công ty bao gồm quỹ lương được xác định theo hướng dẫn nêu trên và các khoản lương chuyên gia trong và ngoài nước được chi trả theo hợp đồng.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	2.518.961.167
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex –		
Phải trả phí dịch vụ	-	2.121.238.080
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex –		
Phải trả phí dịch vụ	-	397.723.087
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	12.825.126.556.286	12.117.371.202.514
Chi phí lãi vay phải trả	313.263.523.548	242.464.294.284
Trích trước tiền thuê nhà	1.180.000.000	-
Trích trước giá vốn các dự án	12.510.683.032.738	11.874.906.908.230
Cộng	12.825.126.556.286	12.119.890.163.681

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền thuê đất nhận trước tại các Khu Công nghiệp.

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	488.299.042.205	498.394.675.304
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật -		
Tiền ứng vốn hợp tác kinh doanh	471.429.891.459	469.948.062.077
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật -		
Tiền lãi hợp tác kinh doanh tạm chia	11.254.418.246	22.957.460.727
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi - Tiền mua cổ phiếu	5.489.152.500	5.489.152.500
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương -		
Phải trả tiền thù lao kiểm soát viên	125.580.000	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>211.934.642.893</i>	<i>208.061.410.735</i>
Kinh phí công đoàn	2.404.529.262	128.185.576
Nhận ký quỹ ngắn hạn	863.670.000	1.192.150.000
Thuế thu nhập cá nhân phải trả lại người lao động	-	831.824.833
Phải nộp ngân sách nhà nước	188.297.448.865	188.297.448.865
Tài sản thừa chờ xử lý	1.480.006.019	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	18.888.988.747	17.611.801.461
Cộng	700.233.685.098	706.456.086.039

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>694.840.000</i>	<i>694.840.000</i>
Công ty Cổ phần xây dựng giao thông Bình Dương		
- Nhận ký quỹ dài hạn	312.840.000	312.840.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật –		
Nhận ký quỹ dài hạn	210.100.000	210.100.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình		
Dương – Nhận ký quỹ dài hạn	171.900.000	171.900.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.632.976.000</i>	<i>1.760.500.000</i>
Cộng	3.327.816.000	2.455.340.000

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.289.106.797.552	2.432.859.943.094
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	1.830.137.839.891	1.938.426.574.613
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi		
nhánh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	1.888.815.550.939	132.712.844.254
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam -		
Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	150.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi		
nhánh Bình Dương ^(iv)	249.148.525.279	294.887.549.227
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á ^(v)	171.004.881.443	66.832.975.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	76.798.276.175	217.585.698.000
Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Dương	-	160.000.000.000
Huy động vốn của các cá nhân ^(vi)	76.798.276.175	57.585.698.000
Trái phiếu thường ngắn hạn	526.073.643.836	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex ^(vii)		
- Mệnh giá trái phiếu	50.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(370.410.959)	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam ^(vii)</i>		
- <i>Mệnh giá trái phiếu</i>	480.000.000.000	-
- <i>Chi phí phát hành trái phiếu</i>	(3.555.945.205)	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	274.880.000.000	441.551.519.830
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>		
- <i>Chi nhánh Bình Dương</i>	60.000.000.000	135.671.519.830
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương</i>	-	180.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</i>	100.000.000.000	70.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai</i>	47.880.000.000	47.880.000.000
<i>Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Dương</i>	67.000.000.000	8.000.000.000
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	-	1.500.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>	-	750.000.000.000
<i>Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank</i>	-	750.000.000.000
Cộng	<u>5.166.858.717.563</u>	<u>4.591.997.160.924</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- Quyền kinh doanh và khai thác dự án Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1 theo Hợp đồng thế chấp số 01A/83576/HĐMP1 ngày 27 tháng 9 năm 2007 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 407.341 triệu VND;
- Quyền kinh doanh và khai thác dự án Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2 theo Hợp đồng thế chấp số 02A/83576/HĐMP2 ngày 30 tháng 11 năm 2007 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 614.107 triệu VND;
- Quyền kinh doanh và khai thác dự án Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3 theo Hợp đồng thế chấp số 03A/83576/HĐMP3 ngày 24 tháng 3 năm 2008 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 717.533 triệu VND;
- Quyền sử dụng 140.116,8m² đất ở trong Khu Thành phố mới Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐ ngày 20 tháng 3 năm 2012 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 1.541.000 triệu VND;
- Quyền sử dụng 77.859,7m² đất dịch vụ tại phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐ ký ngày 20 tháng 11 năm 2013 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 269.390 triệu VND;
- Quyền sử dụng 991.743,2 m² đất ở tại xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 02/2013/HĐ ngày 27 tháng 12 năm 2013 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 1.090.883 triệu VND.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 12.57.07/HĐTD ngày 01 tháng 12 năm 2012 được sửa đổi bởi Hợp đồng tín dụng số 12.57.05/HĐDTD ngày 13 tháng 12 năm 2013, Hợp đồng 01/2014-HĐTDHM/NHCT680-BECAMEX IDC CORP tháng 5 năm 2014, Hợp đồng 01/2015-HĐTDHM/NHCT680-BECAMEX ngày 26 tháng 3 năm 2015 và Hợp đồng 01/2016-HĐTDHM/NHCT680-BECAMEX với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo:
- Thế chấp quyền sử dụng 53.776,6 m² đất thuộc xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) theo Hợp đồng thế chấp 11.07.05/HĐTC ngày 27 tháng 9 năm 2011.
 - Cầm cố các sổ tiền gửi có kỳ hạn số tiền 210 tỷ VND tại ngân hàng này.
 - Cầm cố sổ tiền gửi có kỳ hạn số tiền 1.200 tỷ VND tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để thanh toán các chi phí xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình Khu Công nghiệp, Khu đô thị mới, Khu dân cư..., với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân, thời hạn vay không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng 102.394,9 m² đất của Tổng Công ty tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 721611 ngày 07 tháng 7 năm 2009.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng số 3110/2016/HĐTDMRS ngày 31 tháng 10 năm 2016 để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
- Quyền sử dụng 80.404,2 m² đất số AN721596 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 07 tháng 7 năm 2009 thừa đất số 176, 283 (O3-3), tờ bản đồ số 7, 3 tại xã Định Hoà, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, giá trị định giá 582.930.000.000 VND;
 - Quyền sử dụng 26.021,2 m² đất số AN721513 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 07 tháng 7 năm 2009 thừa đất số 612, 578 (O2-9), tờ bản đồ số 20, 2 tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, giá trị định giá 188.653.700.000 VND;
 - Quyền sử dụng 27.292,3 m² đất số AN721599 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 07 tháng 7 năm 2009 thừa đất số 952, 590 (O3-6), tờ bản đồ số 1, 3 tại xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, giá trị định giá 197.869.175.000 VND;
 - Quyền sử dụng 11.309,6 m² đất số AN721605 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 07 tháng 7 năm 2009 thừa đất số 591 (O3-7), tờ bản đồ số 3 tại xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, giá trị định giá 81.994.600.000 VND.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á theo Hợp đồng tín dụng số 0615.15/HĐTD-HM ngày 30 tháng 12 năm 2015 với hạn mức tín dụng 200 tỷ VND, duy trì hạn mức tín dụng trong 12 tháng từ ngày 30 tháng 12 năm 2015. Mục đích vay để phát hành bảo lãnh và cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
- Quyền sử dụng đất số B1 645760 cấp ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 6,698.9 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
 - Quyền sử dụng đất số AN 721582 ngày 07 tháng 7 năm 2009 với tổng diện tích 53,895.1 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
 - Quyền sử dụng đất số B1 645779 ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 20,031.8 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- (vi) Các khoản huy động vốn của các cá nhân với lãi suất theo thông báo từng thời kỳ.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (vii) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 01 năm kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2016, mệnh giá 1.000.000.000 VND, lãi suất 10,5%/năm được phát hành cho Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam để cơ cấu lại các khoản nợ tài chính của Tổng Công ty. Tài sản đảm bảo:
- Quyền sử dụng đất số AN721588 ngày 07 tháng 7 năm 2009 với tổng diện tích 105.240 m² tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một).
 - Quyền sử dụng đất số AN721589 ngày 07 tháng 7 năm 2009 với tổng diện tích 51.751,3 m² tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một).
 - Quyền sử dụng đất số B1645/81 ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 44.651,3 m² tại phường Hòa Phú, TX. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một).

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.157.030.000.000	1.364.910.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	365.000.000.000	425.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	370.000.000.000	470.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	422.030.000.000	469.910.000.000
Vay Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Dương ^(iv)	223.000.000.000	87.000.000.000
Trái phiếu thường dài hạn	9.615.067.282.192	8.644.002.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Bình Dương ^(v)	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(15.000.000.000)	(20.000.000.000)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Bình Dương ^(v)		
- Mệnh giá trái phiếu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(9.539.333.333)	(11.999.333.333)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(vi)		
- Mệnh giá trái phiếu	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ^(vii)		
- Mệnh giá trái phiếu	1.400.000.000.000	1.000.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông ^(viii)		
- Mệnh giá trái phiếu	-	400.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngân hàng TNHH Indovina^(vi)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	100.000.000.000	100.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Bản Việt^(vii)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>		
- Chi nhánh Bình Dương ^(ix)		
- Mệnh giá trái phiếu	1.080.000.000.000	1.080.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(10.302.480.000)	(12.959.280.000)
<i>Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga^(ix)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	400.000.000.000	400.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(3.815.733.333)	(4.799.733.333)
<i>Ngân hàng TNHH Indovina^(ix)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	200.000.000.000	500.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.907.866.667)	(5.999.666.667)
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt^(ix)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	300.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.861.800.000)	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngân Lược^(ix)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	20.000.000.000	20.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(190.786.667)	(239.986.667)
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt^(ix)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	250.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.916.164.384)	-
<i>Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA Việt Nam^(ix)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	220.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.566.224.657)	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>		
- Chi nhánh Bình Dương ^(ix)		
- Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(5.832.328.767)	-
Cộng	10.995.097.282.192	10.095.912.000.000

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/83576/HĐDH ngày 29 tháng 11 năm 2013 với số tiền vay 500 tỷ VND, thời hạn 10 năm để thực hiện dự án đầu tư "Bệnh viện đa khoa quốc tế Miền Đông - Giai đoạn 1" bao gồm thanh toán tiền mua, nhập khẩu máy móc thiết bị y tế và chi phí xây dựng cơ bản, lãi suất vay áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
 - Giá trị quyền sử dụng đất ở chính khu đất đang xây dựng bệnh viện của Tổng Công ty theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 20 tháng 11 năm 2013;

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đầu tư bao gồm: công trình xây dựng bệnh viện, nhà văn phòng, cơ sở hạ tầng gắn liền với quyền sử dụng đất và máy móc trang thiết bị y tế thuộc dự án;
 - Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Tổng Công ty tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác (xem thuyết minh số V.1 và V.2a);
 - Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Tổng Công ty và đối tác khác mà Tổng Công ty là người thụ hưởng. Toàn bộ các khoản phải thu, nguyên vật liệu - hàng hóa tồn kho, chi phí sản xuất dở dang bảo đảm nợ vay cho ngân hàng.
 - Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/83576/HĐDH ngày 30 tháng 12 năm 2013 với hạn mức vay là 154.316 triệu VND, thời hạn vay là 36 tháng để “Xây dựng nhà ở an sinh xã hội Becamex – Khu 1 B Mỹ Phước 1”, lãi suất vay áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng 76 Quyền sử dụng đất tại xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, giá trị tài sản được định giá là 1.090.883 triệu VND.
 - Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/83576/HĐDH ngày 30 tháng 12 năm 2013 với hạn mức vay là 269.293 triệu VND, thời hạn vay là 36 tháng để “Xây dựng nhà ở an sinh xã hội Becamex – Khu Hòa Lợi”, lãi suất vay áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng 76 Quyền sử dụng đất tại xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, giá trị tài sản được định giá là 1.090.883 triệu VND.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 040D13 ngày 27 tháng 9 năm 2013 với số tiền 600 tỷ VND, thời hạn 84 tháng để bù đắp phần chi phí đền bù giải tỏa Khu Công nghiệp Bàu Bàng và thanh toán các chi phí đầu tư thi công cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bàu Bàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
- Quyền sử dụng đất tổng diện tích 1.529.292 m² tại Khu Công nghiệp Bàu Bàng;
 - Toàn bộ quyền kinh doanh và khai thác Khu Công nghiệp Bàu Bàng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 07/2010/HĐTD-DA (MP-TV) ngày 07 tháng 10 năm 2010 với số tiền 1.500 tỷ VND, thời hạn 120 tháng, lãi suất được xác định theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ban hành cộng biên độ 3,5%/năm để thực hiện Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền tài sản Dự án xây dựng đường Mỹ Phước - Tân Vạn.
- (iv) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Dương theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng số 06/2007/HĐTD ngày 23 tháng 5 năm 2007 với lãi suất 0,3%/tháng, thời hạn 99 tháng kể từ ngày nhận khoản giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn 15 tháng) để đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án “Đầu tư Khu cư xá công nhân Mỹ Phước”. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là “Khu cư xá công nhân Mỹ Phước”;
 - Hợp đồng số 12/2010/HĐTD ngày 14 tháng 12 năm 2010 với lãi suất 09%/năm, thời hạn 15 năm kể từ ngày nhận khoản giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn 04 năm) để đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án “Đầu tư đường Mỹ Phước - Tân Vạn”. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là “Quyền quản lý & thu phí giao thông đường Mỹ Phước Tân Vạn”.
 - Hợp đồng số 05/2016/HĐTD-TDH ngày 21 tháng 6 năm 2016 và hợp đồng số 06/2016/HĐTD-TDH ngày 8 tháng 8 năm 2016 với lãi suất 6%/năm và được điều chỉnh theo từng lần giải ngân, thời hạn 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên để bổ sung nguồn vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền thu cổ tức của các công ty con, công ty liên kết trong năm 2016-2017.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (v) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu nay chuyển cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để huy động vốn trung dài hạn để thực hiện dự án “Khu đô thị mới thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương”:

Đợt 1: Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày hoán đổi là ngày 31 tháng 12 năm 2014. Lãi suất 11,5%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng đối với Đồng Việt Nam công bố tại sở giao dịch của bốn ngân hàng thương mại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.

Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721568 với diện tích 183.089,1 m² tại xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721652 với diện tích 104.215 m² tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 927766 với diện tích 50.519 m² tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đợt 2: Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày hoán đổi là ngày 17 tháng 11 năm 2015. Lãi suất 10,5%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng đối với Đồng Việt Nam công bố tại sở giao dịch của bốn ngân hàng thương mại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.

Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721591 với diện tích 111.104 m² tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên; xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721595 với diện tích 69.189,2 m² ở xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- (vi) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai: Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hành là ngày 30 tháng 12 năm 2013. Lãi suất 13,5%/năm cho năm đầu tiên, các năm sau lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai cộng biên độ 4%/năm.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trên đất của Tổng Công ty trên diện tích 265.437 m² đất ở và 264.022 m² đất Trường Đại học - Khu đô thị mới thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương; Cầm cố các sổ tiền gửi có kỳ hạn số tiền 180 tỷ VND tại ngân hàng này.

- (vii) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam sau đó chuyển cho Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông với số tiền 400 tỷ VND và Ngân hàng TNHH Indovina với số tiền 100 tỷ VND, trong năm Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông đã chuyển lại cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam số tiền 400 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.500 tỷ VND để đầu tư cho khu liên hiệp như: nhà khách thuộc Khu hành chính tập trung, nhà công vụ tỉnh Bình Dương; 03 tuyến đường dẫn nối từ khu liên hiệp qua huyện Tân Uyên; khu nhà ở xã hội Hòa Lợi; khu nhà phố liền kề C2-C4; Cơ cấu nguồn vốn ngắn hạn sang vốn dài hạn đã đầu tư vào các dự án khu liên hiệp như Trường Đại học Quốc tế Miền Đông; nhà ở xã hội Hòa Lợi; 6 tuyến đường tạo lực (từ 2-7); 3 tuyến đường dẫn nối từ khu liên hiệp qua huyện Tân Uyên. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 04 tháng 3 năm 2014. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên, kỳ thứ hai là 14%/năm và bằng tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm từ kỳ tính lãi thứ ba.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng 13.511 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 1.817,7 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Khu đô thị mới); Quyền sử dụng 13.161,3 m² đất tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 76.953,3 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 109.570,6 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Khu đô thị mới); Quyền sử dụng 65.230,7 m² đất tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 34.219,2 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 39.740,5 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

(viii) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Bản Việt:

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 200 tỷ VND để cơ cấu, tái cấu trúc tài chính của doanh nghiệp. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 28 tháng 02 năm 2014. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên là 14%/năm và bằng tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm từ kỳ tính lãi thứ hai.

Tài sản đảm bảo: Giá trị quyền sử dụng 40.667 m² đất tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

(ix) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngân Lược, Ngân hàng TNHH Indovina, Ngân hàng TNHH Indovina sau đó chuyển cho Ngân hàng TMCP Bảo Việt với số tiền 300 tỷ VND.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND để cơ cấu, tái cấu trúc tài chính của doanh nghiệp. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 17 tháng 11 năm 2015. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm và bằng tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm từ kỳ tính lãi thứ hai.

Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721609, AN721594, AN721597 với tổng diện tích 115.367,6 m² tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B1645797, B0594541, B0594540, B0594537, B0594545, B0594543, AN721572, AN721574, B1645752, B1645785 với tổng diện tích 220.573,7 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721586 với diện tích 14.577 m² tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B1645785

(x) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.500 tỷ VND để cơ cấu, tái cấu trúc tài chính của doanh nghiệp. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là tháng 11 năm 2016. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm, các năm sau lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương cộng biên độ 4%/năm.

Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721516, AN721517 với tổng diện tích 128.339,6 m² tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721610 với diện tích 102.773,9 m² tại phường Định Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI645776, BI645777 với tổng diện tích 32.619,4 m² tại phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	1.364.910.000.000	207.880.000.000	861.520.000.000	295.510.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	290.000.000.000	67.000.000.000	178.000.000.000	45.000.000.000
Trái phiếu thường	9.615.067.282.192	-	9.615.067.282.192	-
Cộng	11.269.977.282.192	274.880.000.000	10.654.587.282.192	340.510.000.000
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	1.798.461.519.830	433.551.519.830	1.364.910.000.000	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	95.000.000.000	8.000.000.000	87.000.000.000	-
Trái phiếu thường	10.144.002.000.000	1.500.000.000.000	8.644.002.000.000	-
Cộng	12.037.463.519.830	1.941.551.519.830	10.095.912.000.000	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.566.254.225	20.549.159.759	193.207.578	(3.535.057.527)	(1.934.839.421)	17.838.724.614
Quỹ phúc lợi	13.051.988.662	9.000.000.000	2.206.947.639	(20.438.372.993)	-	3.820.563.308
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.035.357.500	372.240.000	-	-	-	2.407.597.500
Cộng	17.653.600.387	29.921.399.759	2.400.155.217	(23.973.430.520)	(1.934.839.421)	24.066.885.422

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.660.379.389	17.290.525.239
Chi cho hoạt động khoa học và công nghệ	(89.641.964)	(630.145.850)
Hoàn nhập quỹ không sử dụng	(16.570.737.425)	-
Số cuối năm	-	16.660.379.389

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập theo Quyết định số 85/2011/QĐ-TC ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV theo hướng dẫn tại Thông tư 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính.

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

23b. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 theo quy định của Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp như sau:

	VND
• Nộp lợi nhuận Ngân sách Nhà nước	: 673.369.811.071
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 301.410.518.927
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 29.549.159.759
• Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	: 372.240.000
Cộng	1.004.701.729.757

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**24a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 392,721.63 USD (số đầu năm là 8,800,079.85 USD).

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Chi nhánh Công ty TNHH Phương Trình Bình Dương	100.800.000	100.800.000	Khách hàng không có khả năng thanh toán
Các đối tượng khác	703.021.165	703.021.165	Khách hàng không có khả năng thanh toán
Cộng	803.821.165	803.821.165	

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh bất động sản ⁽ⁱ⁾	3.959.329.419.770	4.920.796.559.264
Doanh thu xây dựng	131.281.254.678	322.321.195.679
Doanh thu cung cấp dịch vụ	208.779.816.665	797.777.300.270
Doanh thu khác	6.233.392.593	39.418.395.840
Cộng	4.305.623.883.706	6.080.313.451.053

⁽ⁱ⁾ Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	7.794.740.268	5.340.349.766
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	(7.469.773.490)	(5.470.162.765)
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	324.966.778	(129.812.999)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Cung cấp điện, nước	2.015.215.520	291.958.547
Cho thuê mặt bằng	4.800.000.000	4.820.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Cung cấp điện, nước	-	3.884.285.484
Công ty TNHH MTV Cửa sổ mùa xuân		
Phí xử lý nước thải, duy tu, phí quản lý	-	132.420.435
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex		
Phí quản lý	-	76.615.261
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex		
Tiền vận chuyển đá	-	636.062.666
Công ty Liên doanh TNHH Sinviet		
Cung cấp dịch vụ	-	17.912.832
Cho thuê đất	-	14.927.360

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	94.347.940.724	11.370.905.913
Giảm giá hàng bán	613.520.602	-
Cộng	94.961.461.326	11.370.905.913

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.883.622.943.645	4.771.019.497.122
Giá vốn xây dựng	124.927.543.923	430.283.474.258
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	53.462.834.881	24.552.384.487
Giá vốn hoạt động khác	19.651.269.572	17.980.787.217
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	233.356.766	768.684.835
Cộng	3.081.897.948.787	5.244.604.827.919

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	107.948.542.569	70.071.278.021
Lãi tiền cho vay	1.275.000.000	1.292.708.333
Cổ tức, lợi nhuận được chia	816.581.401.605	717.093.050.985
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	(220.355.776)	1.533.639.254
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.388.276.549
Lãi cổ tức chậm trả	52.191.530.528	19.906.337.690
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	18.519.291.210
Doanh thu tài chính khác	1.347.461	477.417.354
Cộng	977.777.466.387	830.281.999.396

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	480.974.830.247	323.315.320.276
Chiết khấu thanh toán cho người mua	930.919.097	2.536.110.000
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	5.611.316.902	258.236.656
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.018.924.788	781.024.873
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.044.666.437	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	25.681.564.918
Chi phí tài chính khác	2.031.816.060	838.242.133
Cộng	493.612.473.531	353.410.498.856

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	138.728.091.795	117.029.839.520
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.412.411.108	3.760.800.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.283.757.885	11.943.228.875
Chi phí quảng cáo, quảng bá đầu tư	138.026.809.937	87.917.752.095
Chi phí điện, nước, viễn thông	38.872.549.835	35.119.082.912
Các chi phí khác	120.046.275.830	120.267.889.475
Cộng	451.369.896.390	376.038.593.243

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	47.149.925.891	26.728.646.444
Chi phí vật liệu quản lý	4.174.668.615	5.267.545.023
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.687.278.989	3.533.073.318
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.221.365.649	19.392.577.962
Thuế, phí và lệ phí	12.020.860.138	12.476.627.383
Tiền ăn, phụ cấp	14.200.000.000	16.615.200.107
Chi phí giao tế, tiếp khách	21.928.673.166	20.346.242.000
Các chi phí khác	35.925.607.557	45.013.337.228
Cộng	156.308.380.005	149.373.249.465

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.827.897.105	841.053.559
Thu thù lao Hội đồng quản trị từ công ty con, công ty liên kết	2.109.321.693	2.245.164.939
Thu cho thuê, chuyển nhượng nhà đất, vườn cây cao su	1.497.497.273	3.487.180.097
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	7.213.434.089	-
Tiền bồi thường	410.632.639	1.381.144.565
Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	16.570.737.425	-
Thu nhập khác	1.528.559.084	1.839.700.674
Cộng	35.158.079.308	9.794.243.834

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi thù lao người đại diện công ty con, liên kết	2.039.449.193	1.940.609.939
Thuế bị phạt, bị truy thu	571.690.441	743.101.659
Thuế vốn năm 2001 của tiền sử dụng đất góp vốn liên doanh	-	2.020.500.000
Chi phí khác	3.728.701.686	3.439.340.405
Cộng	6.339.841.320	8.143.552.003

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	229.754.168.878	298.219.883.999
Chi phí nhân công	372.327.399.172	317.400.978.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.673.865.120	54.320.053.755
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.513.684.352.682	5.008.001.234.211
Chi phí khác	205.786.366.062	737.929.113.201
Cộng	3.376.226.151.914	6.415.871.263.693

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Tổng Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	28.966.870.632	40.438.845.021
Trả trước tiền mua tài sản cố định	476.300.000	41.000.000
Hàng tồn kho chuyển sang bất động sản đầu tư	77.091.464.600	74.720.276.264
Tăng vốn do cổ phần hóa Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	-	47.775.628.631
Giảm vốn do Cổ phần hóa Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	13.142.723.867	-
Giảm vốn do Cổ phần hóa Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	131.307.149.116	-
Điều chỉnh giảm vốn góp vào VSIP	-	2.747.175.144
Góp vốn bằng lãi cổ tức vào Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	29.339.504	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia chưa thu	3.671.506.628.804	3.138.976.811.873
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	150.617.608.889	73.734.223.576
Thanh lý các khoản đầu tư chưa thu tiền	86.600.020.000	92.600.020.000
Lãi hợp tác kinh doanh tạm chia chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	11.254.418.246	22.957.460.727
Tiền mua cổ phiếu Savi chưa trả	5.489.152.500	5.489.152.500
Lãi vay chưa thanh toán	313.263.523.548	242.464.294.284
Chi phí lãi vay vốn hóa vào giá trị công trình	956.814.410.714	944.587.519.474
Tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển	-	206.974.721.327

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	35.354.279.239	35.185.810.853
Trên 01 năm đến 05 năm	141.417.116.957	140.743.243.413
Trên 05 năm	1.167.907.883.268	1.197.716.916.818
Cộng	1.344.679.279.464	1.373.645.971.084

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.077.184.000	3.474.000.000
Tiền thưởng	372.240.000	434.250.000
Cộng	3.449.424.000	3.908.250.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty con
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty con
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty con
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Công ty con
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty TNHH MTV Cửa sổ mùa xuân	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Bê tông Becamex
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Công ty con của Công ty Cổ phần Bê tông Becamex
Công ty Liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Vé máy bay	-	31.499.627
Nhận cung cấp dịch vụ	4.982.936.953	5.727.781.383
Trích trước phí dịch vụ	-	397.723.087
Cung cấp điện, nước	1.315.133.120	1.315.133.120
Cho thuê mặt bằng	4.800.000.000	4.800.000.000
Tiền com khách thuê phòng	7.308.410.680	7.308.410.680
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Vé máy bay	761.481.825	261.233.440
Nhận cung cấp dịch vụ quản lý	21.460.583.448	12.900.319.473
Trích trước phí dịch vụ	-	2.121.238.000
Công ty TNHH MTV Cửa sổ mùa xuân		
Mua vật tư cho các công trình	508.347.186	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex		
Mua gạch	194.085.672	258.318.000
Chi phí vận chuyển	297.490.000	849.370.000

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (liếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex		
Mua đá	30.963.072.606	12.209.949.380
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình		
Mua đá	1.640.559.530	13.405.521.360
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt		
Nhận cung cấp dịch vụ	-	9.985.422.343
Mua vật tư	842.681.910	-
Thi công công trình	5.973.253.806	-
Công nợ phải trả từ Công ty TNHH MTV Cửa sổ mùa xuân chuyển sang	11.788.480.989	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.13, V.14 và V.19a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Số liệu so sánh**3a. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh**

Trong năm, Tổng Công ty điều chỉnh số dư đầu năm và số liệu so sánh năm trước theo Báo cáo kiểm toán Nhà nước ngày 09 tháng 6 năm 2016.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán tổng hợp					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.355.899.565.055	5.577.109.199	6.361.476.674.254	(i)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	377.971.012.975	623.456.690	378.594.469.665	(ii)
Phải thu ngắn hạn khác	136	3.616.787.592.256	96.230.889.776	3.713.018.482.032	(i)
Hàng tồn kho	141	14.368.454.767.634	895.149.114.282	15.263.603.881.916	(iii)
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	-	36.270.158.383	36.270.158.383	(i)
Bất động sản đầu tư	230	287.464.142.271	15.689.268.868	303.153.411.139	(i)
Nguyên giá	231	295.165.740.223	15.610.851.763	310.776.591.986	(i)
Giá trị hao mòn lũy kế	232	(7.701.597.952)	78.417.105	(7.623.180.847)	(i)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	451.373.719.878	399.595.198.898	850.968.918.776	(iv)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	320.298.905.382	77.744.312.417	398.043.217.799	(i)
Phải trả người lao động	314	22.919.089.132	10.265.016.898	33.184.106.030	(i)

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11.566.820.131.283	553.070.032.398	12.119.890.163.681	(v)
Phải trả ngắn hạn khác	319	525.201.176.447	181.254.909.592	706.456.086.039	(vi)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15.087.346.162	2.566.254.225	17.653.600.387	(i)
Vốn góp của chủ sở hữu	411	8.284.474.308.491	(188.297.448.865)	8.096.176.859.626	(vii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	-	34.219.230.092	34.219.230.092	(i)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20.877.508.457	(20.877.508.457)	-	(i)

**Báo cáo kết quả hoạt động
kinh doanh tổng hợp**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.075.202.038.280	5.111.412.773	6.080.313.451.053	(i)
Giá vốn hàng bán	11	5.235.003.257.902	9.601.570.017	5.244.604.827.919	(i)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	734.051.109.620	96.230.889.776	830.281.999.396	(i)
Chi phí tài chính	22	353.060.973.218	349.525.638	353.410.498.856	(i)
Chi phí bán hàng	25	368.144.322.007	7.894.271.236	376.038.593.243	(i)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	152.020.366.385	(2.647.116.920)	149.373.249.465	(i)

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
tổng hợp**

Lợi nhuận trước thuế	01	691.304.014.306	86.144.052.578	777.448.066.884	(i)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	54.320.053.755	(78.417.105)	54.241.636.650	(i)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(728.469.571.536)	(96.230.889.776)	(824.700.461.312)	(i)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.594.848.404.166)	(41.847.267.582)	(4.636.695.671.748)	(i)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.076.331.489.990	(895.149.114.282)	181.182.375.708	(i)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	2.242.405.942.356	1.135.459.085.032	3.377.865.027.388	(i)
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(188.297.448.865)	(188.297.448.865)	(i)

(i) Điều chỉnh theo số liệu của Kiểm toán Nhà nước.

(ii) Điều chỉnh phân loại lại số đầu năm.

(iii) Hàng tồn kho

Các điều chỉnh bao gồm:

Điều chỉnh theo số liệu Kiểm toán Nhà nước 329.482.589.800

Điều chỉnh theo số liệu kiểm kê hàng tồn kho thực tế khi xác định giá trị
doanh nghiệp 565.666.524.482**Cộng** **895.149.114.282**

(iv) Phải trả người bán ngắn hạn

Các điều chỉnh bao gồm:

Điều chỉnh theo số liệu Kiểm toán Nhà nước 398.971.742.208

Điều chỉnh phân loại lại số đầu năm 623.456.690

Cộng **399.595.198.898**

(v) Chi phí phải trả ngắn hạn

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương


BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- | | |
|---|------------------------|
| Các điều chỉnh bao gồm: | |
| Điều chỉnh theo số liệu Kiểm toán Nhà nước | (12.596.492.084) |
| Điều chỉnh theo số liệu kiểm kê hàng tồn kho thực tế khi xác định giá trị doanh nghiệp | 565.666.524.482 |
| Cộng | 553.070.032.398 |
|
(vi) Phải trả ngắn hạn khác | |
| Các điều chỉnh bao gồm: | |
| Điều chỉnh theo số liệu Kiểm toán Nhà nước | (7.042.539.273) |
| Nộp hoàn trả Ngân sách Nhà nước vốn điều lệ oấp thừa theo Công văn 1826/STC-TCDN ngày 16 tháng 9 năm 2015 | 188.297.448.865 |
| Cộng | 181.254.909.592 |
|
(vii) Vốn góp của chủ sở hữu | |
| Nộp hoàn trả Ngân sách Nhà nước vốn điều lệ cấp thừa theo Công văn 1826/STC-TCDN ngày 16 tháng 9 năm 2015. | |
|
4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính | |
| Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp. | |
|
5. Thông tin khác | |
| Tổng Công ty chưa nhận được biên bản xác định giá trị doanh nghiệp được phê duyệt chính thức từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp. Do đó các số liệu trên báo cáo tài chính được ghi nhận theo giá trị sổ sách của Tổng Công ty. | |

Bình Dương, ngày 11 tháng 3 năm 2017


Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Chi tiết về các khoản vay

Đơn vị tính: VND

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số tiền vay đã trả trong năm	Chi phí phát hành trái phiếu	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.432.859.943.094	6.161.914.475.155	-	-	(4.305.667.623.697)	-	4.289.106.797.552
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	160.000.000.000	-	-	-	(160.000.000.000)	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	57.585.698.000	119.304.573.175	-	-	(100.097.995.000)	-	76.798.276.175
Trái phiếu thường ngắn hạn	-	530.000.000.000	-	313.643.836	-	(4.240.000.000)	526.073.643.836
Vay dài hạn đến hạn trả	441.551.519.830	-	274.880.000.000	-	(441.551.519.830)	-	274.880.000.000
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	1.500.000.000.000	-	-	-	(1.500.000.000.000)	-	-
Cộng	4.591.997.160.924	6.811.219.048.330	274.880.000.000	313.643.836	(6.507.311.135.527)	(4.240.000.000)	5.166.858.717.563

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số tiền vay đã trả trong năm	Chi phí phát hành trái phiếu	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.364.910.000.000	5.270.258.290	(207.880.000.000)	-	(5.270.258.290)	-	1.157.030.000.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân	87.000.000.000	203.000.000.000	(67.000.000.000)	-	-	-	223.000.000.000
Trái phiếu thường	8.644.002.000.000	970.000.000.000	-	12.705.282.192	-	(11.640.000.000)	9.615.067.282.192
Cộng	10.095.912.000.000	1.178.270.258.290	(274.880.000.000)	12.705.282.192	(5.270.258.290)	(11.640.000.000)	10.995.097.282.192

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2017



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MTV

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	8.029.723.958.533	-	-	19.489.231.908	8.049.213.190.441
Tăng vốn do Cổ phần hóa Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	47.775.628.631	-	-	-	47.775.628.631
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển trong năm	206.974.721.327	(206.974.721.327)	-	-	-
Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	7.042.539.273	7.042.539.273
Trích lập các quỹ	-	-	-	777.448.066.884	777.448.066.884
Lợi nhuận nộp ngân sách Nhà nước trong năm	-	241.193.951.419	4.951.812.052	(263.539.173.226)	(17.393.409.755)
Hoàn trả ngân sách nhà nước	(188.297.448.865)	-	-	(540.440.664.839)	(540.440.664.839)
Số dư cuối năm trước	8.096.176.859.626	34.219.230.092	4.951.812.052	-	(188.297.448.865)
					8.135.347.901.770
Số dư đầu năm nay	8.096.176.859.626	34.219.230.092	4.951.812.052	-	8.135.347.901.770
Giảm vốn do Cổ phần hóa Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	(131.307.149.116)	-	-	-	(131.307.149.116)
Tăng vốn góp Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore	29.339.504	-	-	-	29.339.504
Giảm vốn do Cổ phần hóa Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	(13.142.723.867)	-	-	-	(13.142.723.867)
Thu tiền về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp từ Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	-	-	1.237.558.718.781	-	1.237.558.718.781
Chi quỹ trong năm	-	-	(438.464.202)	-	(438.464.202)
Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.703.042.481	11.703.042.481
Trích lập các quỹ	-	-	-	992.998.687.276	992.998.687.276
Lợi nhuận nộp ngân sách Nhà nước trong năm	-	301.410.518.927	-	(331.331.918.686)	(29.921.399.759)
Số dư cuối năm nay	7.951.756.326.147	335.629.749.019	1.242.072.066.631	(673.369.811.071)	(673.369.811.071)
					9.529.458.141.797

TP. Thủ Dầu Một, ngày 11 tháng 3 năm 2017



Phan Thị Mỹ Kim
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

